TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **178**/2026/HS-PT
Ngày: 25/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Viết Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2026/TLPT-HS ngày 24 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Đỗ Đức T về tội *"Giết người"*.

Do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đỗ Đức T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1983 tại Phú Thọ; nơi thường trú: phòng 1411 KCC CT2A, xã Ô, Thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: số C A, phường N, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 017083000111; nghề nghiệp: lái xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đỗ Đức S và bà Đinh Thị N (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị Mỹ H (đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Đ; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Đức T*:*

1. Ông Nguyễn Hữu L, Luật sư, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư T3; có mặt.

2. Ông Nguyễn Trung T1, Luật sư, Công ty L2 - Chi nhánh Đ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt

- *Bị hại:* ông Trịnh Phương A, sinh năm 1970; trú tại: K N, phường N, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với nhau về việc mua bán đất trước đó nên tối ngày 02/12/2025, Đỗ Đức T nảy sinh ý định giết ông Trịnh Phương A. Để thực hiện, T chuẩn bị 01 con dao bằng kim loại dài 52cm, phần cán hình tròn dài 14,5cm và phần lưỡi mũi bằng dài 37,5cm. Sau đó T điều khiển xe ôtô nhãn hiệu Vinfast VF6, biển kiểm soát 88A-84331 đến đỗ gần địa chỉ số I V, phường N, thành phố Đà Nẵng gần nơi ở của ông Trịnh Phương A, theo dõi ông A về để thực hiện hành vi. Khoảng 23 giờ 35 phút cùng ngày, T phát hiện ông Trịnh Phương A đang đi bộ về nhà, T điều khiển xe ôtô tăng tốc, tông thẳng vào phía sau ông A làm ông A văng lên nắp capô, rớt xuống nằm dưới lòng đường. Tiếp tục, T xuống xe ôtô dùng dao chém hai nhát từ trên xuống trúng vào cẳng tay trái của ông A. Bị chém, Anh ôm T và hô hoán kêu cứu nên Trọng vứt lại con dao tại hiện trường rồi lên xe ôtô tẩu thoát. Trinh Phương A1 được người dân đưa đến Bệnh viện H1 cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 112/KLTTCT-TTPY ngày 26/12/2025 của Trung tâm pháp y thành phố Đ kết luận anh Trịnh Phương A bị thương tích 18% tại thời điểm giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 2377/KL-KTHS ngày 31/12/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận con dao bằng kim loại có chiều dài 52cm, phần lưỡi mũi bằng dài 37,5cm thuộc chủng loại mã tấu của Phụ lục số 03 "Danh mục vũ khí thô sơ" ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định: tuyên bố bị cáo Đỗ Đức Trọng phạm T2 "*Giết người*".

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15; Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức T 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2025.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/02/2026, bị cáo Đỗ Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/02/2026, bị hại ông Trịnh Phương A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Phương A và bị cáo Đỗ Đức T giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Những người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các nội dung kháng cáo, đặc biệt là kháng cáo của bị hại; hành vi của bị cáo là hành động bộc phát, không có ý định tước đoạt tính mạng của bị hại; bị cáo tiếp tục hỗ trợ cho người bị hại 20.000.000đ và nộp án phí sơ thẩm, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng và chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: ngày 13/02/2026 và ngày 24/02/2026, bị hại ông Trịnh Phương A và bị cáo Đỗ Đức T kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của ông A và bị cáo T là trong thời hạn quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Đức T thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: do bực tức trong việc mua bán đất đai nên vào khoảng 23 giờ 35 phút ngày 01/12/2025, tại đầu kiệt K N, phường N, thành phố Đà Nẵng, Đỗ Đức T đã điều khiển xe ôtô Vinfast VF6, biển kiểm soát 88A-84331 tông thẳng vào ông Trịnh Phương A khi ông A đang đi bộ phía trước làm ông A văng lên nắp capô, rớt xuống nằm dưới lòng đường. Tiếp theo, Đỗ Đức T xuống xe ôtô, dùng dao chuẩn bị sẵn chém hai nhát từ trên xuống, Trịnh Phương A đưa tay lên đỡ thì bị chém vào cẳng tay trái bị thương tích 18%.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết tội Đỗ Đức T "*Giết người*" theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và bị hại, Hội đồng xét xử thấy:

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong việc mua bán đất đai với bị hại trong quá khứ, nhưng bị cáo đã sử dụng xe ôtô tông thẳng vào người bị hại rồi sau đó xuống xe dùng dao chém vào đầu của bị hại gây thương tích. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, mong muốn tước đoạt trái phép sinh mạng bị hại, thể hiện tính côn đồ,

coi thường tính mạng của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Ông Trịnh Phương A bị chấn thương sọ não, bị thương tích nhưng không chết là ngoài ý muốn của bị cáo. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

Đỗ Đức T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có cha và mẹ ruột được tặng Huân chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Hậu quả chết người chưa xảy ra nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện tính chất hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 10 năm tù. Đây là hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nên không nặng và đã là chiếu cố, cân nhắc cho bị cáo. Do đó, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như yêu cầu kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại. Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đỗ Đức T phải chịu theo quy định.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo bị cáo Đỗ Đức T và kháng cáo của bị hại ông Trịnh Phương A. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 15; Điều 57 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức T 10 (mười) năm tù về tội "*Giết người*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2025.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Đỗ Đức T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 01 Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên